

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		102.126.774.288	107.565.469.913
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	66.456.190.583	71.714.690.471
1. Tiền	111		3.367.408.034	10.398.488.511
2. Các khoản tương đương tiền	112		63.088.782.549	61.316.201.960
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	4.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	VI.2	-	4.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.141.222.007	18.890.325.629
1. Phải thu khách hàng	131	VI.3	8.165.054.537	2.851.527.567
2. Trả trước cho người bán	132	VI.4	11.286.971.750	12.774.769.235
3. Các khoản phải thu khác	135	VI.5	3.895.225.973	4.470.059.080
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	VI.6	(1.206.030.253)	(1.206.030.253)
IV. Hàng tồn kho	140		11.388.189.581	10.888.569.928
Hàng tồn kho	141	VI.7	11.388.189.581	10.888.569.928
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.141.172.117	2.071.883.885
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.8	172.365.585	163.334.167
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.670.778.667	1.609.269.453
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.9	298.027.865	299.280.265
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		173.864.023.854	168.963.082.307
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		173.243.608.705	168.342.667.158
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.10	140.965.196.601	146.320.284.361
Nguyên giá	222		408.663.993.483	406.379.317.136
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(267.698.796.882)	(260.059.032.775)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.11	1.257.023.217	1.025.173.076
Nguyên giá	228		2.175.752.333	1.816.219.333
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(918.729.116)	(791.046.257)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.12	31.021.388.887	20.997.209.721
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.080.000	7.080.000
Đầu tư dài hạn khác	258		7.080.000	7.080.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		613.335.149	613.335.149
Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13	613.335.149	613.335.149
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		275.990.798.142	276.528.552.220

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		92.165.479.823	98.344.932.507
I. Nợ ngắn hạn	310		69.008.973.201	74.864.039.871
1. Phải trả người bán	312	VI.14	7.793.482.166	5.175.486.287
2. Người mua trả tiền trước	313	VI.15	3.973.479.075	1.306.112.603
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.16	7.943.823.486	8.645.402.939
4. Phải trả người lao động	315	VI.17	4.498.823.692	12.881.484.637
5. Chi phí phải trả	316	VI.18	9.888.367.370	10.773.663.873
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.19	34.235.896.108	34.658.717.324
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	VI.24	675.101.304	1.423.172.208
II. Nợ dài hạn	330		23.156.506.622	23.480.892.636
1. Phải trả dài hạn khác	333	VI.20	15.100.726.610	14.961.245.641
2. Vay và nợ dài hạn	334	VI.21	7.400.641.071	7.864.508.054
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	VI.22	655.138.941	655.138.941
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		183.825.318.319	178.183.619.713
I. Vốn chủ sở hữu	410		183.825.318.319	178.183.619.713
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	VI.23	130.000.000.000	130.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	VI.23	17.652.353.119	17.652.353.119
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	VI.23	5.522.531.743	5.522.531.743
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	VI.24	-	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	VI.23	30.650.433.457	25.008.734.851
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		275.990.798.142	276.528.552.220

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		-	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2012



PHẠM MẠNH ĐỨC - Giám đốc

Thư
LẠI THỊ THU - Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 năm 2012

CHỈ TIÊU			Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 1		Đơn vị tính: VND
Mã số	Thuyết minh		Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011	
1		1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	150.938.732.048	133.629.606.499	150.938.732.048	133.629.606.499	
2		2 Các khoản giảm trừ doanh thu	78.688.686	46.130.555	78.688.686	46.130.555	
10	VII.1	3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	150.860.043.362	133.583.475.944	150.860.043.362	133.583.475.944	
11	VII.2	4 Giá vốn hàng bán	139.345.155.226	122.236.699.608	139.345.155.226	122.236.699.608	
20		5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.514.888.136	11.346.776.336	11.514.888.136	11.346.776.336	
21	VII.3	6 Doanh thu hoạt động tài chính	1.578.374.582	536.581.636	1.578.374.582	536.581.636	
22	VII.4	7 Chi phí tài chính	166.285.790	222.385.940	166.285.790	222.385.940	
23		Trong đó: chi phí lãi vay	166.285.790	222.385.940	166.285.790	222.385.940	
24	VII.5	8 Chi phí bán hàng	1.853.117.908	1.290.248.201	1.853.117.908	1.290.248.201	
25	VII.6	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.947.148.338	3.355.966.448	3.947.148.338	3.355.966.448	
30		10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.126.710.682	7.014.757.383	7.126.710.682	7.014.757.383	
31	VII.7	11 Thu nhập khác	204.756.973	21.190.666	204.756.973	21.190.666	
32	VII.8	12 Chi phí khác	188.781.879	6.453.088	188.781.879	6.453.088	
40		13 Lợi nhuận khác	15.975.094	14.737.578	15.975.094	14.737.578	
50		14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.142.685.776	7.029.494.961	7.142.685.776	7.029.494.961	
51	VI.18	15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.500.987.169	766.076.185	1.500.987.169	766.076.185	
52		16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	
60		17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.641.698.607	6.263.418.776	5.641.698.607	6.263.418.776	
70	VII.9	18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	434	482	434	482	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2012



PHẠM MẠNH ĐỨC - Giám đốc

LẠI THỊ THU - Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 1	
			Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		7.142.685.776	7.029.494.961
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		7.767.446.966	6.656.768.373
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		2.501.592.742	536.581.636
- Chi phí lãi vay	06		166.285.790	222.385.940
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		17.578.011.274	14.445.230.910
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.311.153.192)	15.752.862.368
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(499.619.653)	(952.555.000)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(3.725.339.519)	4.182.389.336
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9.031.418)	439.584.981
- Tiền lãi vay đã trả	13		(166.285.790)	(222.385.940)
- Thuế thu nhập đã nộp	14		(2.743.162.447)	(1.323.605.928)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		34.000.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(782.070.904)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		6.375.348.351	32.321.520.727
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.668.388.513)	(12.720.898.112)
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		4.000.000.000	(1.285.966.667)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(2.501.592.742)	(536.581.636)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(11.169.981.255)	(14.543.446.415)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(463.866.983)	(1.894.840.805)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(463.866.983)	(1.894.840.805)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		(5.258.499.887)	15.883.233.507
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60		71.714.690.471	17.448.150.338
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	V1.1	66.456.190.583	33.331.383.845

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2012



PHẠM MẠNH ĐỨC - Giám đốc

(Signature)

LẠI THỊ THU - Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012 của Công ty Cổ Phần cấp nước Chợ Lớn (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất;
Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
Xây dựng công trình cấp nước;
Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
Lập dự án;
Thẩm tra thiết kế;
Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
Đại lý ký gửi hàng hóa./.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm 2012 là năm tài chính thứ 06 của Công ty kể từ khi chuyển sang Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND);

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Số năm khấu hao của các nhóm Tài sản cố định như sau:

<i>Nhóm tài sản</i>	<i>Số năm</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Phương tiện truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí còn phải trả các công trình nhận bàn giao từ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

8. Chi phí phải trả

Trích trước chi phí phải trả cho nhà thầu theo giá dự toán đối với công trình xây dựng cơ bản tạm tăng tài sản cố định khi có nghiệm thu đưa vào sử dụng nhưng chưa được quyết toán.

Trích trước chi phí gắn Đồng hồ nước và cải tạo ống mục đã thực hiện nhưng chưa quyết toán.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận toàn bộ vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán bổ sung vào chi phí.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

13. Nguồn vốn kinh doanh – quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, do đó Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu của hoạt động cung cấp nước được ghi nhận căn cứ vào khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước và thời điểm ghi nhận chỉ số nước sử dụng thường không trùng với thời điểm kết thúc niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi được ghi nhận theo số thực thu. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối quý I	Số đầu năm
(a) Tiền mặt	17.188.967	38.281.904
Tiền mặt VND	17.188.967	38.281.904
(b) Tiền gửi ngân hàng	3.350.219.067	10.360.206.607
Tiền mặt VND	3.350.219.067	10.360.206.607
(c) Khoản tương đương tiền	63.088.782.549	61.316.201.960
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng VND	63.088.782.549	61.316.201.960
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	66.456.190.583	71.714.690.471

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ 5 – 12 tháng	-	4.000.000.000
Cộng	-	4.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

3. Phải thu của khách hàng

	Số cuối quý I	Số đầu năm
– Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước khác	8.165.054.537	2.851.527.567
Cộng	8.165.054.537	2.851.527.567

4. Trả trước người bán

– Công ty TNHH Đăng Hưng	563.327.750	563.327.750
– Công ty CP Đầu tư & XD Trường An	305.953.962	305.953.962
– Công ty CP Cơ khí Công trình Cấp Nước	1.303.598.392	1.708.484.035
– Công ty CP Tư vấn XD Cấp Nước	668.885.673	209.493.136
– Công ty TNHH XDBCN & Đường Ống Hoàng Thăng	810.821.820	810.821.820
– Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	-	50.470.764
– Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	1.105.915.744	1.105.915.744
– Trung tâm thông nghệ thông tin Địa Lí	-	112.392.390
– Công ty TNHH TM XD Việt Long	2.102.970.081	4.192.970.552
– Công ty CP Đầu tư Vạn Phúc Hưng	-	1.708.335.004
– CN Công ty CP TVĐT&TKXD VNam (CTy TNHH TVTKXD MNam)	444.592.967	465.728.930
– CN Tổng Công ty Cơ Điện -XDNN	348.040.000	348.040.000
– Công ty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương	295.373.007	295.373.008
– Cty Quản Lý Công Trình Giao Thông Sài Gòn	1.214.636.508	
– Cty TNHH CTCTN&HT Đô Thị M.A.T	413.001.292	
– Cty TNHH TMXDTK Bốn Chín Hai	767.804.227	
– Các nhà cung cấp khác	942.050.327	897.462.140
Cộng	11.286.971.750	12.774.769.235

5. Phải thu khác

– Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	2.975.181.865	2.952.621.965
– Ngân hàng Ngoại Thương		63.000.000
– Ngân hàng NN và PT Nông Thôn CN Hoà Bình	1.166.667	157.022.474
– Ngân hàng Phương Nam CN Hồng Bàng		91.388.889
– Ngân hàng Tín Nghĩa		512.237.247
– Ngân hàng TM CP An Bình		100.736.217
– Phải thu về khoản cho mượn vật tư	387.180.595	233.549.680
– Phải thu các đối tượng khác	531.696.846	359.502.608
Cộng	3.895.225.973	4.470.059.080

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

6. Dự phòng phải thu khó đòi

	<u>Số cuối quý I</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng phải thu quá hạn thanh toán trên 1 năm và dưới 2 năm		581.477.065
- Dự phòng phải thu quá hạn thanh toán trên 2 năm và dưới 3 năm		-
- Dự phòng phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm		624.553.188
Cộng	<u>1.206.030.253</u>	<u>1.206.030.253</u>

7. Hàng tồn kho

- Nguyên vật liệu	11.302.754.616	10.802.840.287
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	85.434.964	85.729.642
Cộng	<u>11.388.189.581</u>	<u>10.888.569.928</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

- <i>Số dư đầu kỳ</i>		163.334.167
- Số phát sinh tăng trong kỳ	201.702.000	
- Số phân bổ trong kỳ	192.670.582	
<i>Số chờ phân bổ chuyển sang kỳ sau</i>	<u>172.365.585</u>	

9. Tài sản ngắn hạn khác

<i>Tạm ứng</i>	18.747.600	20.000.000
- Phòng tổ chức hành chính		20.000.000
- Các nhân viên khác	18.747.600	-
<i>Ký quỹ ngắn hạn</i>	279.280.265	279.280.265
- Công ty CP ĐT Phát triển hạ tầng IDICO	-	-
- BQL Đầu tư XD Công trình quận Bình Tân	148.632.472	148.632.472
- NH Phương Nam CN Hồng Bàng	130.647.793	130.647.793
- NH NN&PTNT CN Hòa Bình	-	-
Cộng	<u>298.027.865</u>	<u>299.280.265</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

10. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, Dụng cụ quản lý	Cộng TSCĐ hữu hình
I. Nguyên giá					
1. Số đầu kỳ	2.036.875.500	1.798.888.679	397.242.100.094	5.301.452.863	406.379.317.136
2. Tăng trong kỳ	13.000.000	57.500.000	1.932.072.340	282.104.000	2.284.676.347
Mua sắm mới	13.000.000	57.500.000	-	282.104.000	352.604.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	2.062.296.533		2.062.296.533
Tăng khác	-	-			
3. Giảm trong kỳ	-	-	-130.224.193		-130.224.193
Giảm theo kết quả quyết toán công trình	-	-	-130.224.193		-130.224.193
Thanh lý nhượng bán	-	-			
4. Số cuối kỳ	2.049.875.500	1.856.388.679	399.174.172.441	5.583.556.863	408.663.993.483
II. Hao mòn lũy kế					
1. Số đầu kỳ	1.370.292.133	1.508.427.559	254.035.084.471	3.145.228.612	260.059.032.775
2. Tăng trong kỳ	17.955.601	16.506.838	7.369.928.110	235.373.558	7.639.764.107
Khấu hao trong kỳ	17.955.601	16.506.838	7.369.928.110	235.373.558	7.639.764.107
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-
Khác	-	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ	1.388.247.734	1.524.934.397	261.405.012.581	3.380.602.170	267.698.796.882
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu kỳ	666.583.367	290.461.120	143.207.015.623	2.156.224.251	146.320.284.361
2. Số cuối kỳ	661.627.766	331.454.282	137.769.159.860	2.202.954.693	140.965.196.601

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

11. Tài sản cố định vô hình

Tình hình tăng giảm tài sản trong kỳ như sau:

	<i>Phần mềm Quản lý</i>	<i>Cộng TSCĐ vô hình</i>
I. Nguyên giá		
1. Số đầu kỳ	1.816.219.333	1.816.219.333
2. Tăng trong kỳ	359.533.000	359.533.000
<i>Do mua sắm</i>	359.533.000	359.533.000
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số cuối kỳ	2.175.752.333	2.175.752.333
II. Hao mòn lũy kế		
1. Số đầu kỳ	791.046.257	791.046.257
2. Tăng trong kỳ	127.682.859	127.682.859
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số cuối kỳ	918.729.116	918.729.116
III. Giá trị còn lại		
1. Số đầu kỳ	1.025.173.076	1.025.173.076
2. Số cuối kỳ	1.257.023.217	1.257.023.217

12. Chi phí xây dựng cơ bản

Gồm những chi phí đầu tư vào các công trình cải tạo, sửa chữa; Các công trình phát triển mạng lưới cung cấp nước và các công trình khác. Chi tiết phát sinh tăng giảm các công trình trong năm như sau:

Số đầu kỳ:	20.997.209.721 VND
Đầu tư thêm trong kỳ:	11.874.900.946 VND
Kết chuyển Tài sản cố định trong kỳ:	1.289.246.594 VND
Kết chuyển vào chi phí trong kỳ:	561.475.185 VND
Số cuối kỳ:	31.021.388.887 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

13. Chi phí trả trước dài hạn

Bộ phận	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
Chi phí khấu hao TSCĐ nhận bàn giao từ Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn từ các năm trước	613.335.149	-	-	613.335.149
Cộng	613.335.149	-	-	613.335.149

14. Phải trả người bán

	Số cuối quý I	Số đầu năm
- Công ty CP Công trình giao thông Quận 8	35.539.528	35.539.528
- Công ty TNHH An Phát	36.212.445	36.212.445
- Cty CP TV & ĐT Đô Thị Việt	6.838.750	6.838.750
- CTY CP TM DV XD Lương Nguyễn	-	358.313.704
- Công ty TNHH Công Nghệ Hoá Nhựa Bông Sen	10.497.500	17.715.750
- Công ty QL CTGT Sài Gòn	-	3.555.477.018
- Công ty TNHH CTCTN&HT Đô Thị M.A.T	-	555.511.691
- Cửa hàng Vật Liệu Xây Dựng Kim Phương	109.385.693	-
- Công ty Công trình Giao thông Công Chánh	-	43.391.855
- Công ty dịch vụ Công Ích huyện Bình Chánh	-	36.268.202
- Công ty TNHH Đạt Đức	148.124.039	382.274.356
- Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn	7.269.008.226	
- Phải trả người bán khác	177.875.985	147.942.988
Cộng	7.793.482.166	5.175.486.287

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối quý I	Số đầu năm
- Truy thu tiền thất thoát nước	311.129.325	471.611.540
- Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam	-	75.816.378
- Tạm thu chi phí thiết kế ống ngầm	111.613.655	115.913.655
- Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	-	107.839.500
- Thu tiền nước	3.001.170.816	-
- Các khách hàng khác	549.565.279	534.931.530
Cộng	3.973.479.075	1.306.112.603

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu kỳ	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp cuối kỳ
I. Thuế	3,403,210,842	11,040,561,847	12,327,673,328	2,116,099,362
1. Thuế GTGT hàng nội địa	-	7,651,495,647	7,651,495,647	-
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	2,743,162,446	1,500,987,169	2,743,162,447	1,500,987,169
3. Thuế nhà đất				
4. Các loại thuế khác	660,048,396	1,888,079,031	1,933,015,234	615,112,193
- Thuế thu nhập cá nhân	660,048,396	1,885,079,031	1,930,015,234	615,112,193
- Thuế môn bài	-	3,000,000	3,000,000	-
II. Các khoản phải nộp khác	5,242,192,097	14,505,030,477	13,919,498,450	5,827,724,124
Các khoản phí, lệ phí	5,242,192,097	14,505,030,477	13,919,498,450	5,827,724,124
Tổng cộng	8,645,402,939	25,545,592,324	26,247,171,778	7,943,823,486

• Thuế giá trị gia tăng

- Công ty áp dụng Luật Thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành
- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng:
 - + Doanh thu cung cấp nước : 5 %
 - + Doanh thu lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác : 10%

• Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số (V.14)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Số quý I	Số Năm trước
- Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.142.685.776	37.266.490.499
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế	-	(1.154.193.150)
- Tổng thu nhập chịu thuế	7.142.685.776	36.112.297.350
<i>Trong đó: + Thu nhập từ hoạt động kinh doanh nước sạch (20%)</i>	<i>5.693.685.497</i>	<i>27.168.303.829</i>
<i>+ Thu nhập từ thu nhập khác (25%)</i>	<i>1.449.000.279</i>	<i>8.943.993.520</i>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp (25%)	1.785.671.444	9.028.074.337
- Điều chỉnh tăng thuế TNDN từ các năm trước	-	954.904.771
<i>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</i>	<i>1.785.671.444</i>	<i>9.982.979.108</i>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	284.684.275	4.075.245.574
<i>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	<i>1.500.987.169</i>	<i>5.907.733.534</i>

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm soát của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. Phải trả người lao động

4.498.823.692 đồng

Quỹ lương được xác định dựa vào tổng sản lượng nước bán ra trong kỳ. Đơn giá tiền lương 630,08 đồng/m³. Theo Quyết định của Hội Đồng Quản trị. Đồng thời trích lương của đội thi công lắp đặt đường ống và đồng hồ nước ghi nhận theo thực tế phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

18. Chi phí phải trả

	Số cuối quý I	Số đầu năm
– Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán.	6.599.567.112	8.655.558.033
– Trích trước chi phí chống thất thoát nước 2012 và chi phí TLMD gần ĐHN	3.288.800.258	2.118.105.840
Cộng	9.888.367.370	10.773.663.873

19. Phải trả, phải nộp khác

– Kinh phí công đoàn, BH xã hội, BH Y tế	89.280.174	92.489.801
– Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	412.000.597	392.540.351
– Phải trả TCT CP xây dựng cơ bản dở dang tài sản cố định	7.767.384.755	7.767.384.755
– Phải trả khác Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	14.092.953.122	14.604.954.638
– Cổ tức phải trả cho cổ đông, phí BVMT	655.328.922	626.962.445
– Khu quản lý giao thông đô thị số 1	2.503.231.722	2.503.231.722
– Khu quản lý giao thông đô thị số 4	6.180.598.889	6.180.598.889
– Ban Quản Lý Dự Án Thoát Nước Đô Thị	2.232.148.000	2.232.148.000
– Phải trả khác	302.969.927	258.406.723
Cộng	34.235.896.108	34.658.717.324

20. Phải trả dài hạn khác

Khoản vốn ứng để gắn đồng hồ nước của khách hàng theo các hợp đồng phát triển ống cái cấp 3 thời hạn hoàn trả trong 10 năm

Cộng	15.100.726.610	14.961.245.641
-------------	-----------------------	-----------------------

21. Vay và nợ dài hạn

	Số đầu kỳ	Vay thêm trong kỳ	Thanh toán trong kỳ	Số cuối kỳ
Hợp đồng 4198/HĐVV ngày 24 tháng 08 năm 2007	92,826,111	-	6,857,000	85,969,111
Hợp đồng 4371/HĐVV ngày 05 tháng 09 năm 2007	1,324,391,191	-	87,499,000	1,236,892,191
Hợp đồng 1389/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	1,869,704,927	-	142,578,000	1,727,126,927
Hợp đồng 1390/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	748,790,616	-	46,300,000	702,490,616
Hợp đồng 1388/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	3,248,547,665	-	158,000,000	3,090,547,665
Hợp đồng 5437/HĐVV ngày 11 tháng 12 năm 2008	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Số đầu kỳ	Vay thêm trong kỳ	Thanh toán trong kỳ	Số cuối kỳ
Hợp đồng 4742/HĐVV ngày 10 tháng 02 năm 200	474,331,309	-	19,606,805	454,724,504
Hợp đồng 2363/HĐVV ngày 05 tháng 08 năm 2010	105,916,235	-	3,026,178	102,890,057
Cộng	7,864,508,054	-	463,866,983	7,400,641,071

Các khoản vay dài hạn Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn chi tiết như sau:

- *Hợp đồng vay* : *Số HĐ 4198/HĐVV - TCT - KTTC ngày 24 tháng 08 năm 2007*
 - + Hạn mức vay : 246.869.000 VND
 - + Lãi vay : 5,4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay* : *Số HĐ 4371/HĐVV - TCT - KTTC ngày 05 tháng 09 năm 2007*
 - + Hạn mức vay : 3.149.964.000 VND
 - + Lãi vay : 8,4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 1389/HĐVV- TCT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008*
 - + Số tiền vay : 5.132.808.000 VND
 - + Lãi vay : 8,4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 1390/HĐVV- TCT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008*
 - + Số tiền vay : 1.666.800.000 VND
 - + Lãi vay : 8,4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 1388/HĐVV - CT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008*
 - + Số tiền vay : 5.688.000.000 VND
 - + Lãi vay : 8,4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 5437/HĐVV - TCT - KTTC ngày 11 tháng 12 năm 2008*
 - + Số tiền vay : 5.736.000.000 VND
 - + Lãi vay : 5,4%/năm
 - + Thời hạn vay : kể từ ngày giải ngân đến hết 01 năm kể từ ngày UBND TP.Hồ Chí Minh ban hành bằng giá nước thay thế bằng giá nước hiện hành.
 - + Mục đích vay : Thực hiện gắn đồng hồ nước cho khách hàng theo khoản 3 điều 42 Nghị định 117.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 4742/HĐVV - TCT - KTTC ngày 11 tháng 11 năm 2009*
 - + Số tiền vay : 705.845.000 VND
 - + Lãi vay : 8,4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 2363/HĐVV - TCT - KTTC ngày 05 tháng 08 năm 2010*
 - + Số tiền vay : 108.942.413 VND
 - + Lãi vay : 8,4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay

22. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

- Số dư đầu kỳ	655.138.941
- Số trích lập trong kỳ	-
- Số chi trong kỳ	-
Số cuối kỳ	<u><u>655.138.941</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

23. Nguồn vốn chủ sở hữu

Quý I	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
- Số dư đầu kỳ	130.000.000.000	17.652.353.119	5.522.531.743	-	25.008.734.851	178.183.619.713
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	5.641.698.607	5.641.698.607
- Tăng khác	-	-	-	-	-	0
- Trích lập quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	0
- Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	0
- Chi quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	0
- Giảm khác	-	-	-	-	-	0
Số dư cuối kỳ	130.000.000.000	17.652.353.119	5.522.531.743	-	30.650.433.457	183.825.318.319

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Số cuối quý I	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của Nhà Nước	66.304.000.000	66.304.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	63.696.000.000	63.696.000.000
Cộng	130.000.000.000	130.000.000.000

Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu kỳ	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng do thu khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
- Quỹ khen thưởng	725.791.280	-	34.000.000	747.770.904	12.020.376
- Quỹ phúc lợi	225.002.891	-	-	34.300.000	190.702.891
- Quỹ thưởng ban điều hành quản lý	472.378.037	-	-	-	472.378.037
Cộng	1.423.172.208	0	34.000.000	782.070.904	675.101.304

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Số Quý I	Số năm trước
Tổng doanh thu	150.938.732.048	565.850.928.404
- Doanh thu cung cấp nước	149.047.133.157	552.921.992.574
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.891.598.891	12.928.935.830
Khoản giảm trừ doanh thu	(78.688.686)	(333.038.043)
Hàng bán bị trả lại	(78.688.686)	(333.038.043)
Hàng bán bị trả lại cung cấp nước	(5.324.400)	(37.447.175)
Hàng bán bị trả lại cung cấp dịch vụ	(73.364.286)	(295.590.868)
Doanh thu thuần	150.860.043.362	565.517.890.361
Trong đó	-	-
- Doanh thu cung cấp nước	149.041.808.757	552.884.545.399
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.818.234.605	12.633.344.962

2. Giá vốn hàng bán

- Giá vốn cung cấp nước (*)	137.886.789.688	505.990.098.486
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.458.365.538	6.332.543.621
Cộng	139.345.155.226	512.322.642.107

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

(*) Chi tiết giá vốn cung cấp nước trong kỳ như sau:

	Số quý I	Số năm trước
- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	108.414.488.131	381.730.185.925
- Chi phí nhân công trực tiếp	7.705.076.269	34.787.682.980
- Chi phí sản xuất chung	21.767.225.288	89.472.229.581
Tổng chi phí sản xuất	137.886.789.688	505.990.098.486
- Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Tổng giá thành sản phẩm	137.886.789.688	505.990.098.486
- Chênh lệch tồn kho thành phẩm	-	-
Giá vốn nước đã cung cấp	137.886.789.688	505.990.098.486
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Số quý I	Số năm trước
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.433.025.185	8.728.523.458
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	145.349.397	465.467.811
Cộng	1.578.374.582	9.193.991.269
4. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	166.285.790	783.812.122
Cộng	166.285.790	783.812.122
5. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên	1.329.885.038	5.797.406.316
- Chi phí công cụ dụng cụ	7.742.000	227.180.863
- Chi phí khấu hao	47.298.076	156.758.393
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	160.329.503
- Chi phí bằng tiền khác	468.192.794	916.976.960
Cộng	1.853.117.908	7.258.652.035

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Số quý I	Số năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	2,602,924,268	9.613.681.550
- Chi phí đồ dùng văn phòng	216,884,082	1.161.670.042
- Chi phí khấu hao	344,479,914	1.108.720.750
- Thuế, Phí và lệ phí	5,635,000	213.407.700
- Chi phí lập dự phòng		486.676.496
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	79,018,801	1.785.744.063
- Chi phí bằng tiền khác	698,206,273	2.866.881.608
Cộng	3,947,148,338	17.236.782.209

7. Thu nhập khác

- Thu hồ sơ mời thầu	26.909.091	53.636.362
- Khách hàng đầu tư không hoàn vốn ổng cái	72.880.220	50.644.215
- Thu thanh lý vật tư, CCDC		13.518.182
- Thu phạt vi phạm theo tiến độ hợp đồng		225.320.430
- Thu nhập khác	104.967.662	70.209.770
Cộng	204.756.973	413.328.959

8. Chi phí khác

	Số quý I	Số năm trước
- Chi phí hồ sơ mời thầu	5.181.818	40.766.354
- Chi phí thanh lý vật tư, CCDC		125.713.575
- Xử lý nguyên vật liệu thiếu		60.872.723
- Chi phí khác	183.600.061	29.478.966
Cộng	188.781.879	256.831.618

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.641.698.607	27.283.511.391
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.641.698.607	27.283.511.391
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	434	2.099

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Số quý I	Số năm trước
-		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.691.787.258	25.175.512.349
- Chi phí nhân công	7.705.076.269	57.576.800.041
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.767.446.966	29.233.467.368
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.566.622.848	1.913.756.925
- Chi phí khác		41.188.353.742
Cộng	36.730.933.341	155.087.890.425

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Số quý I	Số năm trước
Tiền lương	331.585.821	886.005.337
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	4.019.487	14.064.180
Cộng	335.605.308	900.069.517

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	Số cuối quý I	Số đầu năm
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	37.00	38,90
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	63.00	61,10
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	33.39	35,56
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	66.61	64,44
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2.99	2,81
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1.48	1,44
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.96	0,96
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	4.73	6,59
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	3.74	4,82
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	2.59	13,48
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	2.04	9,87
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%	3.07	15,31

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2012



PHẠM MẠNH ĐỨC – Giám đốc

LẠI THỊ THU – Kế toán trưởng